

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 31 - 03 - 2022

V/v tranh chấp "Xin ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Lắm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Bi

2. Ông Đặng Văn Núi

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Anh Thy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông không tham gia phiên tòa.

Ngày 31 tháng 03 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 125/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 03 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Trần Ngọc Y** - Sinh năm: 1989 (Xin vắng mặt);

Địa chỉ: ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang;

2. Bị đơn: **Đới Nguyễn Vĩnh T** - Sinh năm: 1989 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Ngọc Y trình bày:*

Chị và anh T tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới, đăng ký kết hôn ngày 07/12/2017 tại UBND xã P, huyện T. Sau khi cưới cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến cuối năm 2019 phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau nên sống ly thân đến nay đã hai năm. Nay tình cảm không còn nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung; tài sản chung; nợ chung: chị xác định không có.

** Quá trình tố tụng bị đơn anh Đới Nguyễn Vĩnh T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng anh T không đến Tòa án để tham dự phiên hòa giải và tham dự phiên tòa, cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của chị Y.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Tại phiên tòa, chị Y có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: đây là vụ án tranh chấp “Xin ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của chị Y về việc xin ly hôn*; Hội đồng xét xử nhận thấy:

- *Về quan hệ hôn nhân*: chị Y và anh T có quan hệ hôn nhân với nhau, có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã P, huyện T cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 07/12/2017 nên quan hệ hôn nhân của chị Y và anh T là hợp pháp kể từ ngày đăng ký kết hôn.

Tại phiên tòa, chị Y, anh T đều vắng mặt, nhưng theo lời khai của chị Y cho rằng: sau khi cưới vợ, chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2019 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau và sống ly thân đến nay đã hai năm. Đối với anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng anh không đến Tòa để trình bày ý kiến, không tham dự phiên hòa giải, không tham dự phiên tòa để được hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó, cho thấy anh Tg không còn quan tâm, tha thiết đến cuộc hôn nhân với chị Y. Do vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Y là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về con chung*: chị Y trình bày anh chị không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: chị Y trình bày anh chị không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí*: chị Y phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Ngọc Y.

1. Về quan hệ hôn nhân: cho chị Trần Ngọc Y được ly hôn với anh Đới Nguyễn Vĩnh T.

2. Về án phí: Chị Y phải nộp toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên

lai thu tiền số 0008071 ngày 15/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông. Chị Y đã nộp xong án phí.

Chị Y, anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện TPD;
- Chi cục THADS huyện TPD;
- Các đương sự;
- UBND xã P, huyện T;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Văn Lắm